

Tôn giáo và văn hóa

GĐ.TS. ĐỖ QUANG HƯNG*

Nhập đề

Những năm gần đây, vấn đề tôn giáo và văn hóa hoặc ngược lại, văn hóa và tôn giáo thu hút không ít sự quan tâm của các nhà nghiên cứu văn hóa học, tôn giáo học cũng như nhiều chuyên ngành khoa học xã hội khác. Đặc biệt kể từ khi Đảng ta thông qua Nghị quyết Trung ương V (1998, khóa VIII) về những nhiệm vụ chiến lược văn hóa trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo đó nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tôn giáo trở thành một trong mười nhiệm vụ chiến lược ấy.

Bài viết này của chúng tôi muốn đưa ra một cái nhìn có tính tổng thể về lý thuyết cũng như thực tiễn của mối quan hệ này. Và cũng xin được coi chỉ là những suy nghĩ tản mạn về một chủ đề khá quen thuộc, nhưng cũng còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn phải trao đổi đổi lại.

Bài viết của chúng tôi có hai phần:

1- *Tôn giáo và văn hóa: mấy suy nghĩ phương pháp luận.*

2- *Văn hóa tôn giáo và đời sống văn hóa ở nước ta hiện nay.*

Dưới đây là những nội dung cụ thể.

Phần I: Tôn giáo và văn hóa: mấy suy nghĩ phương pháp luận

1.1- Trở lại vấn đề định nghĩa tôn giáo có liên quan đến mối quan hệ giữa tôn giáo và văn

hóa.

Cũng như nhiều khái niệm khác, việc “định nghĩa” về tôn giáo tín ngưỡng rất phức tạp, một công việc mà như có người nói: việc định nghĩa nó giống như câu chuyện của tháp Babel¹.

Nhưng một điều chắc chắn là, trong các xã hội Châu Á, dù là một nơi có hệ thống tôn giáo phong phú lâu đời nhất, nhưng ít ai đưa ra định nghĩa. Trong khu vực của văn minh Trung Hoa trước khi tiếp xúc với người phương Tây, tôn giáo thường đồng nghĩa với đạo, hoặc tông giáo. Đạo với ý nghĩa là con đường chủ yếu được hiểu là đạo lý, là giáo huấn, lời dạy. Người ta cũng không phân biệt có sự khác nhau rõ rệt giữa những đạo nhập nội như Thiên Chúa giáo, Hồi giáo thậm chí Phật giáo với những hình thức tín ngưỡng bản địa như đạo thờ Mẫu, đạo thờ ông bà tổ tiên (thờ cúng tổ tiên).

Chắc chắn rằng, kể từ khi tiếp xúc với học thuật của phương Tây, dần dần mới xuất hiện từ “tôn giáo” và được hiểu như ngày nay. Ai cũng biết trong ngôn ngữ phương Tây, danh từ Religion được hiểu cả về mặt niềm tin vào một thần linh, một đấng tối cao và biểu hiện ý nghĩa về một cộng đồng của những người cùng chung niềm tin và cùng thực hành phụng tự. Ở phương Tây, người ta cũng đã cố gắng phân biệt hai khía cạnh của “religion”: khía cạnh chủ quan nội tại được hiểu là niềm tin của cá nhân (hay còn gọi là tín ngưỡng (croyance) và tính tôn giáo (religiorisé)). Còn khía cạnh khách quan

* VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

là ám chỉ những cộng đoàn có cơ cấu tổ chức, giáo luật, hệ thống đạo lý và phụng tự.

Khi chuyển ngữ sang tiếng Việt, vì thế khái niệm “religion” của phương Tây không chỉ đem lại cho chúng ta một khái niệm về tôn giáo như hiện nay mà còn có sự phân biệt thành hai từ ngữ: tín ngưỡng là từ ám chỉ niềm tin vào những lực lượng siêu nhiên (vẫn trong phạm vi cách hiểu tôn giáo của phương Tây); tôn giáo ám chỉ về cộng đồng của những người cùng chung một tín ngưỡng, có chung một giáo lý, giáo luật, một tổ chức giáo hội và những hệ thống nghi lễ nhất định.

Từ đó, dẫn đến hai hệ luận sau đây:

Thứ nhất, khi du nhập khái niệm tôn giáo của phương Tây, trên thực tế, dù người Châu Á cũng còn phải tranh luận tiếp tục về định nghĩa tôn giáo (định nghĩa theo lối độc thần của phương Tây nói trên hay định nghĩa theo “nghĩa rộng” thói quen của học thuật Á Đông) thì vẫn phải chấp nhận thuyết “4 yếu tố” để tạo nên định nghĩa tôn giáo truyền thống của phương Tây².

Thứ hai, mặc dù không có sự phân biệt tuyệt đối giữa tôn giáo và tín ngưỡng, càng không cho rằng tôn giáo là cao hơn tín ngưỡng, nhưng về mặt xã hội học thì vẫn phải thừa nhận có một khái niệm về tín ngưỡng hoặc tôn giáo dân gian khác với các tôn giáo hoàn chỉnh nói trên.

Trong việc định nghĩa tôn giáo và tín ngưỡng, cái phức tạp còn là ở chỗ người ta có thể tiếp cận nó trên rất nhiều phương diện. Chẳng hạn trên phương diện triết học, bản thể luận như lối định nghĩa về tôn giáo của Mác, Ăngghen và trước đó như những Hêghen, Kant, Phobach... thì có thể lột tả được những nét bản chất triết học tư tưởng (chủ yếu qua lý thuyết bản thể luận và phản ánh luận). Những định nghĩa loại này dù rất cơ bản nhưng để hiểu tôn giáo và tín ngưỡng còn phải có những tiếp cận về tâm lý học, lịch sử, xã hội học...

Khoa học về tôn giáo dần dần phát triển, đặc biệt từ cuối thế kỷ XIX với sự ra đời của ngành xã hội học tôn giáo và cho đến nay đã đóng góp rất nhiều vào việc định nghĩa cũng như việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống tôn giáo.

Dưới đây chúng ta sẽ trở lại với hai định nghĩa tiêu biểu để xem xét.

1.1.1- Định nghĩa về tôn giáo theo kiểu bản thể luận và phản ánh luận của Mác. Trong *Lời nói đầu* tác phẩm *Góp phần phê phán nhà nước pháp quyền của Hêghen* của Mác, và sau đó trong tác phẩm *Chống Duhring* của Ăngghen, một định nghĩa Mác-xít về tôn giáo đã trở thành kinh điển: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh - vào trong đầu óc con người - những lực lượng trấn thế chi phối đời sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng trấn thế đã mang hình thức của những lực lượng siêu trấn thế”.³

Cùng với mệnh đề nổi tiếng “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” mà một thời gian dài những người Mác-xít trong các nước xã hội chủ nghĩa đã hiểu nó một cách sai lệch và tâ khuynh, định nghĩa của Mác và Ăngghen về tôn giáo còn được “đúc lại” trong sự diễn tả rất tiêu biểu của Hainchelin: “Tôn giáo là một sự phản ánh đặc biệt, hoang đường và sai lệch trong ý thức xã hội những mối liên hệ giữa con người với nhau và với tự nhiên, bởi con người cả trong xã hội nguyên thủy cũng như trong các xã hội được phân chia thành giai cấp (cổ đại, phong kiến, tư bản) cũng đều bị đặt dưới sự thống trị của những sức mạnh ở bên ngoài họ mà họ không nhận biết được, cũng như không chi phối và kiểm soát được, vì thế mà đối với chúng, họ cảm thấy có sự sợ hãi bí ẩn, sự sợ hãi này, theo sự giải trình của các nhà thơ, sẽ sản sinh ra các vị thần”⁴.

Định nghĩa về tôn giáo của Mác và Ăngghen đến nay vẫn được các sách giáo khoa về tôn giáo học trong hệ thống các trường đảng và hệ thống giáo dục nói chung duy trì. Liên quan đến chủ đề của chúng ta cần phải lưu ý rằng, định nghĩa quan trọng này dường như không mấy thuận lợi cho chúng ta áp dụng vào việc nghiên cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa. Ngày nay, nghiên cứu tôn giáo học Mác-xít đã có những chuyển biến quan trọng để có thể khẳng định rằng, bất luận người ta định nghĩa tôn giáo như thế nào thì tôn giáo vẫn có vai trò to lớn đối với văn hóa của một cộng đồng dân tộc của nhân loại. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này ở phần tiếp theo.

1.1.2- Riêng khái niệm tín ngưỡng cần nói thêm rằng, trong việc nghiên cứu văn hóa ở các nước Á Đông có những sắc thái khác biệt cần



lưu ý thêm.

Nếu như ở phương Tây, tín ngưỡng theo nghĩa của từ “croyance” trong tiếng Pháp hoặc từ “belife” trong tiếng Anh chỉ có hàm nghĩa là niềm tin tôn giáo, nói cách khác là niềm tin của mỗi tín đồ của một tôn giáo có tín ngưỡng riêng của mình khác với tín ngưỡng của những tín đồ của các tôn giáo khác. Nói cách khác, tín ngưỡng là thuộc tính đương nhiên của mỗi tín đồ thuộc tôn giáo nào đó.

Ở các nước Á Đông, trong đó có Việt Nam sắc thái về ngữ nghĩa của từ này có những điểm rất khác. Một mặt tuy danh từ tín ngưỡng vẫn có nội dung tôn giáo song không nhất thiết nó chỉ thuộc niềm tin của một tôn giáo như ở phương Tây mà có khi còn được hiểu rộng rãi hơn với nhiều cấp độ và sắc thái, niềm tin khác nhau. Chính vì thế, ở Việt Nam chẳng hạn, tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Thành hoàng hoặc thờ cúng tổ tiên đôi khi rất khó phân biệt là “tín ngưỡng tôn giáo” hay chỉ là một niềm tin có tính đạo đức và xã hội. Ngoài ra trong môi trường xã hội có một hệ thống tín ngưỡng tâm linh phong phú, một không gian thiêng đa chiều và phức tạp như nước ta, tín ngưỡng còn bị pha trộn bởi rất nhiều hình thái khác xen lấn với những biểu hiện của những niềm tin của tôn giáo nguyên thủy (đặc biệt là Saman giáo ít nhiều vẫn còn tồn tại đến ngày nay, có khi được gói trong khái niệm mê tín, dị đoan như bói toán, đồng cốt, gọi hồn, những điềm lạ...). Mặt khác, rất nhiều tôn giáo ở Việt Nam, khác với thế giới phương Tây, dù là tôn giáo cùng loại nhưng vẫn bị ảnh hưởng không ít của những tín điều, lối hành xử “mê tín dị đoan” nói trên chi phối.

Khi phân tích những điều này, ý nghĩa phương pháp luận của vấn đề là ở chỗ: chúng ta không chỉ cần thiết phải phân biệt khái niệm tôn giáo, tín ngưỡng trong quan hệ với lĩnh vực văn hóa mà còn quan trọng hơn là thấy được nét đặc thù của tôn giáo với văn hóa và “tín ngưỡng” với văn hóa, cái chung và cái riêng trong hai mối quan hệ này, để từ đó có sự nhận nhận đúng đắn hơn khi muốn thực hiện quyền “tự do tôn giáo tín ngưỡng” và phát huy các giá trị văn hóa và đạo đức của tôn giáo, tín ngưỡng ở nước ta như Đảng và Nhà nước ta đã nhận định những năm gần đây.

1.2- Những sắc thái luận lý của mối quan hệ

tôn giáo với văn hóa

Mối quan hệ giữa tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa được đề cập với nhiều góc độ khác nhau nhưng phổ biến nhất là cách tiếp cận về bản thể và chức năng của tôn giáo.

1.2.1- Tôn giáo và văn hóa theo lối nhìn chức năng của tôn giáo

Từ lâu, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, tôn giáo không chỉ là một niềm tin, một sự kiện lịch Sử, mà còn là một sự kiện văn hóa. Tôn giáo, như đã trình bày ở trên là sự phản ánh của xã hội con người vào trong ý thức của họ. Song đó không phải là một sự phản ánh đơn giản, mà là một sự phản ánh chịu tác động của rất nhiều yếu tố trung gian, vốn cũng rất hiện thực của chính con người. Đó là cách thức suy nghĩ, lập luận và cảm nhận của con người về thế giới con người đang sống và về chính bản thân mình theo những mô thức nhất định. Chính đó là những chất liệu để cấu thành tôn giáo. Những mô thức ấy có thể có những đặc trưng riêng cho từng cộng đồng người trong những hoàn cảnh địa lý và lịch sử nhất định, và cùng với bề dày lịch sử sẽ trở thành những truyền thống suy nghĩ và ứng xử, một thành tố không thể thiếu của văn hóa cộng đồng.

Tôn giáo không thể tồn tại nếu chỉ đáp ứng một cách hư ảo khát vọng của con người. Chừng nào con người và là con người có niềm tin tôn giáo còn sống trong cõi thế, họ vẫn mong muốn được sống trong một xã hội công bằng, nhân ái thông qua những hành động chủ động được thôi thúc bởi lý trí và tình cảm tự nhiên của những cá thể trong một cộng đồng. Tôn giáo đã tìm thấy ở đó những chất liệu thật nhất, gần gũi với con người nhất, để tạo nên hệ thống luân lý, đạo đức của mình. Điều dễ nhận thấy là giữa những hệ thống đạo đức của những tôn giáo rất khác nhau về niềm tin, rất xa nhau về địa lý, vẫn có một mẫu số chung, đó là nội dung khuyến thiện của các hệ thống đạo đức đó. Không thể phủ nhận mặt tác dụng tích cực này của tôn giáo, khi mà hành động hướng thiện tự nhiên của con người được tôn giáo hóa, sẽ trở nên mạnh mẽ hơn, nhiệt thành hơn. Sẽ là phạm sai lầm nếu phủ định hoặc xem nhẹ mặt tích cực này của tôn giáo trong việc xây dựng một đạo đức xã hội tương xứng với một xã hội văn minh và phát triển.

Niềm tin tôn giáo, cảm xúc tôn giáo, đạo đức tôn giáo, một khi được hình thành và nâng cao, có thể trở thành một động lực cực mạnh, thúc đẩy con người biểu lộ lòng nhiệt thành của mình bằng hành động cụ thể, được thể hiện trong các công trình kiến trúc, hội họa, âm nhạc, thơ văn, nghệ thuật... trác tuyệt, những di sản văn hóa tôn giáo không thua kém gì những công trình văn hóa xuất phát từ nhu cầu phục vụ đời thường.

Chính vì thế, trường phái nghiên cứu tôn giáo theo chức năng còn đưa đến những nhận định khai quát tiêu biểu như ý kiến của nhà thần học hiện đại P. Tillich cho rằng: "Tôn giáo là mối quan tâm cao nhất của con người" và "tôn giáo là nội dung thiết yếu của văn hóa"⁵. Cũng với suy nghĩ như vậy, nhà sử học vĩ đại của thế kỷ XX Toynbee trong tác phẩm nổi tiếng *Nghiên cứu về lịch sử* đã chia các nền văn minh của loài người theo những tiêu chí lớn, trong đó tiêu chí "yếu tố tôn giáo" có vị trí quyết định phổ biến bậc nhất⁶.

Gần đây, trong cuộc Tọa đàm "Văn hóa và Tôn giáo", GS Trần Văn Toàn (Đại học Công giáo Lille, Pháp) cũng đưa ra ý kiến cho rằng, tôn giáo, một mặt "ở trong văn hóa" bởi nó cũng bao gồm tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người... Văn hóa và tôn giáo không phải là hai thực tại riêng biệt để xem xét tương quan lẫn nhau. Nhưng mặt khác ông cũng cho rằng: "Tôn giáo có một vị thế riêng biệt trong văn hóa. Mọi nền văn hóa nếu dùng tôn giáo như một phương tiện phục vụ mình, hoặc tôn giáo dùng văn hóa để phục vụ mình đều đưa đến sai lệch".

Đứng về mặt bản thể luận và lý thuyết phản ánh mà chúng ta quen vận dụng lâu nay với định nghĩa nổi tiếng của Mác và Ăngghen: "Tôn giáo là sự phản ánh hư ảo" thì có thể chúng ta không thấy hết được giá trị văn hóa của tôn giáo, càng không thấy được tôn giáo còn là một yếu tố có tính quyết định bản sắc tộc người, điều mà trong việc đổi mới nhận thức về tôn giáo Đảng ta đã chỉ ra từ cuối năm 1990.

1.2.2- Tôn giáo và văn hóa trong cái nhìn của trường phái nhân học (Anthropologie)

Từ thập kỷ 20, ở các nước Âu- Mỹ, nhất là ở Mỹ, đã xuất hiện trường phái nhân học văn hóa, trong đó văn hóa được xem như là cái khung

nguyên lý đem đến trật tự và cơ chế kiểm soát các hành vi xã hội mà nếu không có nó thì con người sẽ không có hình dáng. Văn hóa được "xem như một tổng thể đã được hội nhập và hội nhập cái khác"⁸. Cách tiếp cận nhân học này đối với văn hóa đã chiếm ưu thế trong các công trình nghiên cứu tôn giáo và đã ảnh hưởng đến sự hiểu biết tôn giáo và chức năng của nó cho đến tận thời gian gần đây. Tôn giáo được xem như cái chiều sâu của văn hóa và phù hợp với khái niệm nhân học về văn hóa, tôn giáo cũng được xem như là một tổng thể đã hội nhập và đang hội nhập với mọi yếu tố tạo thành của nó vốn có quan hệ qua lại với nhau và bao hàm nhau, nói lên một chủ đề, một phong cách hay một mục đích hoạt động theo quy luật hay những cấu trúc nền tảng và có chức năng duy trì trật tự xã hội.

Do đó, ngành nghiên cứu tôn giáo với những chuyên ngành khác nhau và những đề nghị của nó được tổ chức theo một cách khiến cho tôn giáo được hình dung như là một đơn vị có tính chất thống nhất hữu cơ. Mục đích này đã đạt được nhờ việc nghiên cứu tôn giáo trong bối cảnh xã hội của mình, nhất là trong cái môi trường địa phương của mình và trong những tác dụng tôn giáo tạo ra cho nhóm xã hội nào thực hiện nó. Hơn thế nữa, để xây dựng lại "cái vũ trụ tưởng tượng" của tôn giáo thì một sự phân tích đồng đại lại tốt hơn một sự phân tích lịch đại. Trong tâm là xem tôn giáo không phải như một hiện tượng lịch sử diễn ra qua những thay đổi bất thường lộn xộn của quá trình lịch sử, và do đó không dễ gì chấp nhận một sự phân tích rõ ràng và một cách phân loại dễ hiểu, cần phải xem tôn giáo là một tổng thể hữu cơ mà các cấu trúc tạo nên sự thống nhất của nó lại thuộc nhiệm vụ của các nhà nghiên cứu tôn giáo nhằm phát hiện và quy thành chủ đề. Ngay cả khi theo đuổi tôn giáo so sánh thì sự phân tích giao lưu văn hóa vẫn cần được thực hiện theo đồng đại: các tôn giáo khác nhau là liên quan với nhau về mặt phân loại và cấu trúc, những sự khác nhau của chúng được thể hiện trong không gian hơn là trong thời gian.

Như vậy là, cách tiếp cận này đối với tôn giáo có những ưu việt như khái niệm nhân học về văn hóa, là sự kết hợp với nó, cái nền có và những lợi thế riêng. Robert Schreiter đã từng

nhắc rằng, khái niệm văn hóa được xem như một hệ thống hội nhập các tín ngưỡng, các giá trị và các tiêu chuẩn hành vi...⁹

Ảnh hưởng của trường phái này đến nay vẫn rất mạnh mẽ, không chỉ đối với các nhà nghiên cứu ngoài tôn giáo mà ngay cả với những nhà nghiên cứu trong các tôn giáo ở nước ta.

Dưới đây là ý kiến của một nhà nghiên cứu Cao Đài, thuộc cơ quan Phổ thông giáo lý Đại Đạo tại Thành phố Hồ Chí Minh, dù chỉ qua một bài báo ngắn.

Tác giả Thiện Chí trong bài *Sứ mạng văn hóa của tôn giáo* cho rằng, tôn giáo không những có ảnh hưởng trong đời sống xã hội và phải xem tôn giáo như một loại hình văn hóa, mà phải quan niệm đúng và đầy đủ hơn là "thực chất của tôn giáo tự nó có sức mạnh văn hóa lớn hay hơn thế nữa nó là văn hóa trên cả mọi hình thức văn hóa". Tác giả dẫn kinh điển của đạo Cao Đài: "Văn hóa là sản phẩm tinh thần của xã hội dân tộc. Văn hóa có ảnh hưởng một phần rất to tát trong xã hội nhân loại. Nó tế nhị mà bao la, trầm lặng mà mạnh mẽ, có thể đưa dân tộc từ chỗ đói trùy trở về cuộc sống thanh cao". Trên cở sở đó, tác giả còn nêu ra những đặc tính văn hóa cơ bản của tôn giáo như sau: Tôn giáo là những cộng đồng người đã và đang thực hiện những công trình văn hóa tương tự bằng những để tài thuộc về lịch sử tôn giáo hay giáo lý chân truyền. Nhưng nếu chỉ có vậy, thì tôn giáo còn so hàng cùng nhân thế. Giáo trị văn hóa đạo đức của tôn giáo sẽ mở rộng và vượt cao lên hơn nữa một khi tôn giáo đạt đến tầm kích đại thừa, không chỉ luẩn quẩn trong sắc tướng, giới luật, kinh điển và sinh hoạt tâm linh.

Tôn giáo nói lên được "sự liên hệ giữa trời và con người, sự liên hệ giữa trời và vạn vật; sự liên hệ giữa con người và con người, sự liên hệ giữa con người và vạn vật". Vậy, bản chất của văn hóa là đạo đức mà điểm cao nhất của văn hóa đạo đức là khẳng định được mối tương quan giữa trời- người- vạn vật. Trong mối tương quan đó, nếu đứng trên cương vị "người" làm chủ thể phát huy văn hóa thì hệ quả tại thế gian là nối kết giữa người với người trong "bản thể đại đồng nhân loại"; và hệ quả xuất thế gian là nối kết được người với trời trong bản thể vũ trụ vạn vật. Con người trở nên một tuyệt tác, cuộc

đời là bức tranh tuyệt mỹ. Tác giả kết luận rằng: "Sứ mạng văn hóa của tôn giáo sẽ đưa con người đến tầm kích vũ trụ... Văn hóa đích thực sẽ làm cho con người thực sự tiến hóa. Dưới cái nhìn văn hóa, tôn giáo chân chính sẽ thực hiện được sứ mạng văn hóa đích thực"¹⁰.

Nói tóm lại, tín ngưỡng tôn giáo và văn hóa đã có mối quan hệ gắn bó qua lại từ lâu đời, thậm chí ngay từ buổi đầu hình thành những hình thái ý thức tín ngưỡng tôn giáo song song với hệ giá trị "văn hóa" của loài người.

Về phương diện lịch sử văn hóa, chúng tôi cũng muốn khẳng định một lần nữa rằng, về đại thể, ít nhất thì từ thế kỷ XV đổ về trước, văn minh của nhân loại, từ Đông sang Tây là "văn minh nông nghiệp và tôn giáo".

Cùng với các cuộc cách mạng xã hội, đặc biệt từ các cuộc cách mạng tư sản ở Âu- Mỹ thế kỷ XVII- XVIII, và sau đó là ảnh hưởng to lớn của hai cuộc đại cách mạng kỹ thuật của loài người, sự phát triển toàn diện của con người, tri thức cho đến môi trường xã hội... đã khiến cho hơn hai thế kỷ qua tôn giáo suy giảm, lùi bước trước các nhà nước thế tục. Trong lĩnh vực nhận thức và văn hóa, không ít quốc gia, khu vực - đã phủ nhận hoặc ít nhất cũng xem nhẹ các giá trị văn hóa của tôn giáo. Thậm chí người ta còn đổi lập tôn giáo với văn hóa, nhận thức, tiến bộ xã hội... Khi đó con người trở nên sùng bái khoa học và coi khoa học như một cứu cánh và tiêu chuẩn duy nhất của chân lý.

Bước vào thế kỷ XXI loài người như có sự "tái nhận thức" về mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa, nói đúng hơn là có sự nhận thức sâu sắc đầy đủ hơn về mối quan hệ giữa văn hóa, khoa học, tri thức nói chung với những giá trị của tôn giáo, không chỉ ở khía cạnh đạo đức, những giá trị tinh thần và vật chất của các tôn giáo tạo dựng cho con người mà ngay cả với những giá trị của tâm thức tôn giáo, triết lý, lối sống... hay nói như các nhà nhân học văn hóa là những "tích hợp" văn hóa của tôn giáo. Đây là một "phát hiện" quan trọng của một bộ phận quan trọng của loài người khi bước vào thế kỷ XXI và tôi nghĩ rằng, trong đó có cả những người Mácxit Việt Nam:

1.3- "Lịch sử" mối quan hệ tôn giáo và văn hóa

Có ý kiến đã cho rằng "văn hóa tôn giáo"

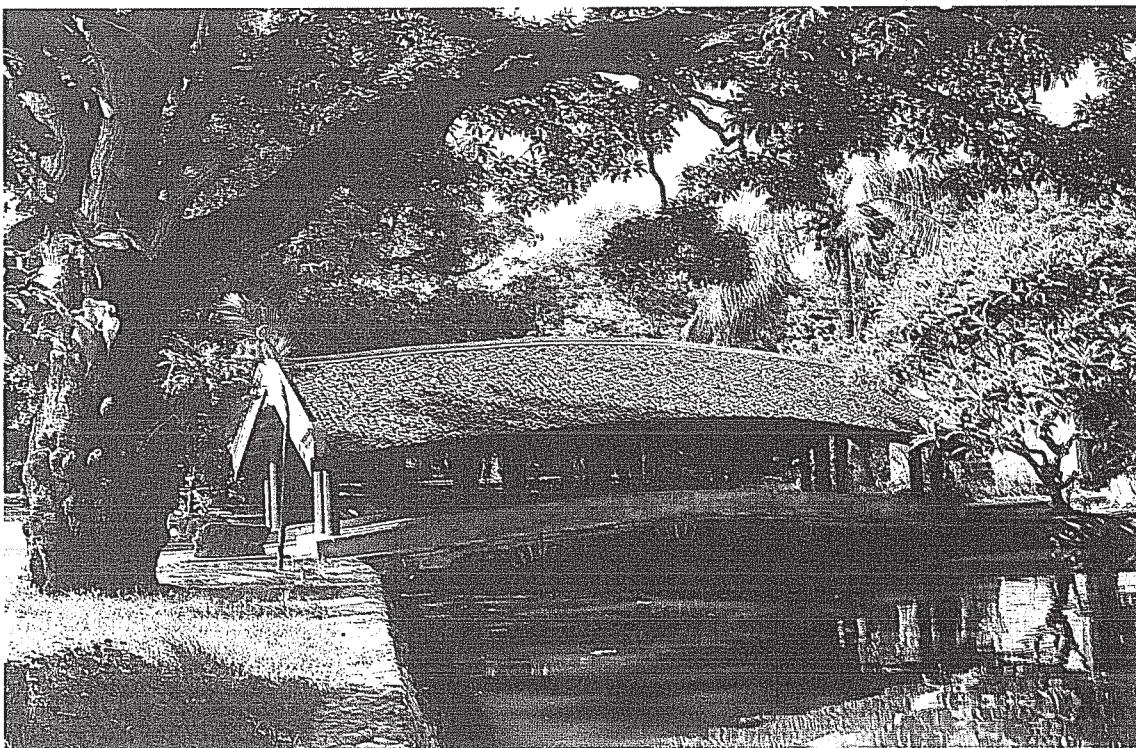
(culture religieuse) mới xuất hiện cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đến nay, khái niệm này đã quen trên Masse Media. Những người quan niệm như thế cho rằng, văn hóa tôn giáo vừa mang thuộc tính văn hóa chung, vừa mang thuộc tính tôn giáo ("mặt trời ảo tưởng"), trong đó, thuộc tính cơ bản là tính nhân đạo, nhân văn hướng thiện... (nhấn vào "ý thức tôn giáo" và chức năng "nhân hóa"). Tôi nghĩ không phải vậy, ít ra là thời điểm xuất hiện khái niệm¹¹.

Chúng ta cũng cần trở lại ý kiến của nhà thần học P. Tillich, khi ông nói rằng, tôn giáo là bộ phận cơ bản nhất cấu thành văn hóa hoặc tôn giáo là văn hóa, khi ông đề cập đến vai trò của đạo Tin Lành. Tương tự như vậy, chúng ta cũng có thể nói thêm ý kiến của Tocqueville trong tác phẩm nổi tiếng *Nền dân chủ Mỹ* (bản dịch mới đây của Nhà xuất bản Tri thức dịch là *Nền dân trị Mỹ*). Theo Tocqueville, tôn giáo trước hết là đạo Tin Lành không những là thành tố quyết định bản sắc văn hóa của một tộc người mà nó còn góp phần trực tiếp tạo nên những thiết chế chính trị xã hội trong những trường hợp đặc biệt như Hoa Kỳ. Tocqueville cho rằng, đạo Tin Lành "coi như một thiết chế

chính trị, nó phục vụ mạnh mẽ cho việc duy trì nền cộng hòa dân chủ ở Hoa Kỳ" và hơn thế nữa nó còn có khả năng "biết sử dụng các bản năng dân chủ"¹².

Chúng tôi cho rằng, về cơ bản mọi tôn giáo đều là những yếu tố quan trọng bậc nhất để quyết định bản sắc tộc người nhưng không thể đồng nhất yếu tính tôn giáo, văn hóa tôn giáo với "văn hóa dân tộc". Trong lịch sử chúng ta đã từng thấy nhiều trường hợp như vậy. Người Do Thái, dân tộc Do Thái dù là "dân tộc được Chúa chọn", dù Kinh Cựu Ước đã xuất hiện lâu đời để tạo nên Do Thái giáo và cả một dân tộc đã gần như đồng nhất với tôn giáo này. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là lịch sử Israel hiện nay lại có thể đồng nhất với lịch sử Do Thái giáo. Cũng như vậy trong trường hợp đạo Hindu đối với người Ấn Độ hoặc Kitô giáo đối với Châu Âu.

Vấn đề là ở chỗ, dù yếu tố văn hóa tôn giáo có mạnh đến đâu thì trong đời sống vật chất và tinh thần của một dân tộc vẫn có cái riêng của nó. Nói cho cùng thế giới tâm linh, thần linh dù có mạnh mẽ đến đâu, rộng lớn đến đâu cũng không che phủ hết đời sống trần tục (profal) của con người.



Nguyệt Tiên kiều, chùa Thầy, Hà Nội - Ảnh: MA

Theo đó dưới đây chúng tôi nêu ra một số những đặc điểm lịch sử của mối quan hệ giữa tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa.

1.3.1- Đặc điểm thứ nhất, ít nhất từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XVI, văn minh nhân loại là văn minh nông nghiệp và tôn giáo.

a. Với Châu Âu độc thần (Monothéisme), văn hóa Kitô giáo là một trong ba yếu tố tạo nên văn minh Châu Âu (hai yếu tố kia là: kỹ thuật và sự hình thành "cá nhân").

Chúng ta biết rằng Kitô giáo (dù là Công giáo hay Tin Lành) thực sự có vai trò to lớn hình thành nền văn minh Châu Âu, hình thành nền văn hóa Châu Âu rất đặc thù. Có thể nói, trước thế kỷ XVI những yếu tố chủ yếu của văn hóa vật thể và phi vật thể ở Châu Âu đều có thể khẳng định được điều trên. Chẳng hạn, nền giáo dục của Châu Âu là gì nếu không phải bắt đầu từ nền giáo dục của nhà thờ? Tất cả các trường đại học lớn, sự hình thành giới trí thức, sự hình thành và phát triển của nền văn học nghệ thuật... đều thoát thai từ nhà thờ, từ các trường dòng. Ngay lối sống của người Châu Âu cũng khó tách khỏi những ảnh hưởng của đời sống bí tích (sacrément) Kitô giáo... Dù rằng cộng đồng Châu Âu theo Công giáo hoặc Tin Lành ở Tây Âu có khác cộng đồng Châu Âu theo Chính Thống giáo ở Đông Âu và Hy Lạp.

Yếu tố Kitô giáo trong nền văn hóa Châu Âu vẫn là những vấn đề trong việc xây dựng không gian văn hóa của cộng đồng Châu Âu ngày hôm nay.

Cuộc đấu tranh về pháp lý của EU (Luật Châu Âu) đã và đang xoay quanh câu hỏi: có hay không cần khẳng định nền tảng văn hóa tinh thần Châu Âu là văn hóa Kitô giáo? Và một câu hỏi tiếp theo: "Quelle âme pour l'Europe?" (một linh hồn nào cho Châu Âu?)

Rõ ràng hiện nay khi thành viên của cộng đồng Châu Âu ngày một mở rộng, về mặt tôn giáo lại càng phải thừa nhận xu thế đa nguyên tôn giáo (pluralisme), vì thế giải pháp văn hóa của cộng đồng Châu Âu về mặt hiến pháp là phải từng bước hòa giải, "mềm hóa" yếu tố văn hóa Kitô giáo trong mọi thiết chế của cộng đồng.

b. Với phương Đông đa thần: ở mức độ khác nhau, vai trò văn hóa tôn giáo cũng rất lớn, tạo nên Văn minh Đông Phương (Nho, Phật, Đạo

và Minh triết - Sageste). Yếu tố tôn giáo ở Phương Đông có khác ở Phương Tây ít nhất trên hai điểm. Một là, trong khi ở Châu Âu tôn giáo đứng trên chính trị, vì thế yếu tố "văn hóa tôn giáo" như đã nói ở trên trở thành thiết chế văn hóa của nhà nước. Ngược lại, ở phần lớn các nước Phương Đông, quyền lực chính trị của các lãnh chúa, các ông vua lại đứng trên các tôn giáo. Vì thế, yếu tố văn hóa tôn giáo không nhất thiết là thiết chế văn hóa của nhà nước. Cụ thể Trung Quốc và nhiều nước Phương Đông theo nền "văn minh chữ vuông", rất khó có thể tách biệt được yếu tố "văn hóa" (chính thống của nhà nước) với yếu tố văn hóa tôn giáo. Hai là, với văn minh Châu Âu của thế giới độc thần Kitô giáo cũng đã tạo nên một không gian văn hóa theo khuôn mẫu, tinh thần của lối sống đạo "Kitô giới" (Chrétienté). Ngược lại ở Phương Đông người ta chỉ cần một không gian tâm linh (phần lớn là yếu tố tôn giáo pha trộn) cho cộng đồng và mỗi con người mà thôi.

Phải nói thêm rằng, dù Đông và Tây có khác biệt nhưng yếu tố văn hóa tôn giáo nói chung đều rất quan trọng trong giai đoạn này cùng với yếu tố "văn minh nông nghiệp". Trước cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất, dù sao đời sống tinh thần của con người, dù Đông hay Tây cũng vẫn đang trong giai đoạn con người như chưa thực sự trưởng thành, chưa thực sự có khả năng phân biệt giữa cái Phàm và cái Thiên; đời sống trần tục và đời sống siêu nhiên, siêu linh... Nếu như ở Châu Âu trong đời sống xã hội, người ta phải sử dụng giáo luật và tòa án trừ tà (tòa án Kitô giáo đóng vai trò dân sự), thì ở Phương Đông mức độ có khác nhưng con người vẫn rất sùng phục, sợ hãi trước "sự phán xử của thần linh"...

1.3.2- Đặc điểm thứ hai:... nhưng dù sao "văn hóa tôn giáo" cũng suy giảm kể từ thế kỷ XVII, XVIII với các sự kiện lớn: Cách mạng tư sản, "tinh hiện đại" (modernité) - "thoát khỏi tôn giáo", Chủ nghĩa duy vật Mácxit thắng thế.

Ở Tây Âu, mà trước hết là ở Pháp đã diễn ra những sự kiện rất tiêu biểu. Trước hết là sự lớn mạnh của khuynh hướng duy lý, duy vật đứng đầu là nhóm Bách Khoa (Encyclopédie) với hai gương mặt tiêu biểu là Voltaire và Diderot. Về mặt xã hội, tư tưởng triết học là J. Rousseau với tác phẩm nổi tiếng *Khế ước xã hội*. Xu thế

này đã đẩy lùi vai trò của Công giáo, của Tòa thánh Rôma, tạo nên một bầu không khí xã hội tôn vinh "nữ thần lý trí". Thực tiễn ở nước Pháp cho thấy, trước và sau cuộc Cách mạng tư sản 1789 cùng với những đòn giáng mạnh vào Tòa thánh và Giáo hội Công giáo (quốc hữu hóa đất đai, tài sản tôn giáo của nhà thờ, giải tán, hạn chế các dòng tu, quốc hữu hóa các trường học kể cả đại học, tách quyền lực chính trị của nhà thờ ra khỏi nhà nước...), đã dần hình thành một chủ nghĩa thế tục và kéo theo đó là một "nền văn hóa thế tục" ngày một lớn mạnh ở Pháp và Châu Âu. Nền "văn hóa thế tục" ấy tuy không loại bỏ nhiều yếu tố của văn hóa Kitô giáo nhưng thực sự nó đã mang tính cách "văn hóa dân sự" của một xã hội dân sự.

- Một phương diện khác của sự phát triển "văn hóa thế tục" là trên lĩnh vực triết học tư tưởng đã xuất hiện các phong trào mạnh mẽ nhất đẩy lùi "văn hóa tôn giáo": Các phong trào cải cách, chống thuyết cứu thế, thuyết ngàn năm... (Thiên Chúa đã chết kể từ Nische). Đặc biệt cùng với khuynh hướng duy vật nói chung còn có sự khẳng định của chủ nghĩa Mác với những tư tưởng mới về "văn hóa Mácxít", về một chủ nghĩa nhân đạo Mácxít.

Tóm lại việc ra đời "văn hóa thế tục" (culture sécularisée) ở Pháp với "luân lý thế tục" (Morale laïque) trên ba chân đế: thể chất, đạo đức và trí tuệ là những phác thảo đầu tiên cho nền văn hóa cận hiện đại của loài người khi bước vào thời đại mới của văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp mà về mặt tinh thần, việc "giảm thiểu" yếu tố tôn giáo trong xã hội, trong đời sống tinh thần con người là một đặc trưng.

- Giai đoạn này con người coi khoa học là vô địch, là cứu cánh, là phương tiện duy nhất đạt tới chân lý, nói cách khác thái độ duy khoa học (thực chứng) là "nguyên tắc nhận thức".

1.3.3- Đặc điểm thứ ba:... từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay, một cục diện mới liên quan đến "văn hóa tôn giáo" xuất hiện:

a. Cuộc khủng hoảng của tinh hiện đại (la crise de la modernité) ở Châu Âu (liên quan đến vấn đề Hồi giáo và các vấn đề xã hội, chính trị, con người...) có liên quan đến sự biến đổi (trỗi dậy trở lại) vai trò xã hội của tôn giáo với ba vấn đề:

- Sự phát triển của một lối suy nghĩ mới về đạo đức và khoa học (câu hỏi cơ bản: Cái mà về mặt kỹ thuật có thể đạt tới có phải luôn luôn nên làm về mặt đạo đức không?. Chỉ riêng sự phát triển của đạo đức sinh học, biểu hiện của chuyển biến kép (double évolution), đối chọi giữa cái có thể và cái mong muốn).

- Quyền bá chủ của "sứ điệp" truyền thống (L'hégémonie du "message" médiatique): hệ quả là: ranh giới giữa tôn giáo và thế tục đã mờ đi và, vấn đề cảm thức (sens) tạo ra một luồng gió mới.

- Sự tan vỡ của các học thuyết lớn (grand doctrines) và sự "đa thần giáo các giá trị" (Polythéisme des valeurs). Theo M. Weber: chỉ có tôn giáo mới dung hòa hai thái cực: hài hòa một cuộc sống cộng đồng, nhưng tôn trọng tự chủ của cá nhân! (khoản 4, Công ước Châu Âu: "mọi cá nhân có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo; quyền này bao gồm quyền tự do thay đổi tôn giáo hay niềm tin cũng như quyền tự do thể hiện tôn giáo của mình dù là cá nhân hay tập thể, nơi công cộng hay chốn riêng tư, bằng việc thờ tự, giáo huấn, lễ bái hay hoàn tất các tập tục".

[Bauberot có một ví dụ hay về nghịch lý đạo đức xã hội hiện đại: Qua thăm dò xã hội học năm 1994. Mọi người đa số đều đồng ý rằng "để một đứa trẻ lớn lên trong bầu không khí hạnh phúc; nó cần phải có cả cha lẫn mẹ"; nhưng chính họ lại tán thành ly dị hoặc tán thành 1 người phụ nữ "muốn có một đứa con nhưng sống độc thân", nghĩa là họ không hề muốn sống lâu với một người đàn ông! Một nghịch lý tương tự liên quan đến đàn ông cũng vậy].

b. Tôn giáo và khoa học

Đây là mối quan hệ then chốt nhất khi giải quyết vấn đề tôn giáo và văn hóa cũng như vai trò của văn hóa tôn giáo.

Chúng ta biết rằng, lịch sử mối quan hệ này, nhìn từ hai phía tôn giáo và xã hội thế tục đã trải qua những bước phát triển nhận thức khác nhau. Từ phía những người duy vật (tiêu biểu là trường phái triết học ánh sáng), đặc biệt là những người duy vật Mácxít, một thời gian dài với sự thắng thế của các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã coi khoa học như một thứ "chủ nghĩa thực chứng" duy nhất làm tiêu chuẩn cho

nhận thức, coi tôn giáo về cơ bản là sự mê tín, lạc hậu, hay ít nhất cũng là những nhận thức duy tâm siêu hình không có giá trị hiện thực. Cũng vì thế, khái niệm “văn hóa tôn giáo” càng không có ý nghĩa lắm trong đời sống xã hội, thậm chí nó là vật cản với sự phát triển khoa học kỹ thuật.

Để thấy rõ thêm mối quan hệ này, chúng ta đi lướt lại cái nhìn từ phía tôn giáo.

Thời Trung cổ, Kitô giáo không chỉ chống hiện đại hóa, phản cải cách mà còn chống khoa học quyết liệt: không chỉ là những biểu hiện cực đoan của Tòa thánh trong thời kỳ Trung cổ mà đến nửa cuối thế kỷ XIX chúng ta vẫn còn thấy Bản kết tội những thành tựu tư tưởng khoa học của nhân loại (Sallybus)¹³.

Công đồng Vatican II (1962-1965) đã đánh dấu một bước ngoặt, cái nhìn mới mẻ của Tòa thánh Rôma trên hàng loạt vấn đề thần học, xã hội và các quan hệ tôn giáo. Riêng với khoa học và chủ nghĩa duy vật, vô thần, lần đầu tiên đã có sự tôn trọng nhất định trong những văn bản quan trọng nhất của Công đồng này. Chưa bao giờ Giáo hội La Mã lại “coi trọng” khoa học như những thập kỷ gần đây, thậm chí trong nhiều sự kiện quan trọng về những phát minh khoa học cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI có liên quan trực tiếp đến vấn đề xã hội và đạo đức (như trường hợp “nhân bản vô tính”), Tòa thánh đã có những ý kiến, những phản ứng đầu tiên trên cơ sở nghiên cứu của Viện Hàn lâm Giáo hoàng.

(Kỳ sau đăng tiếp...)

D.Q.H

Chú thích:

1- Xem bài của, *Tháp Babel* về định nghĩa tôn giáo, bản dịch trong cuốn *Về tôn giáo*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Nxb. KHXH, 1995.

2- Trong Pháp lệnh về tín ngưỡng tôn giáo của nước

ta ban hành năm 2004 cũng đã sử dụng định nghĩa này khi nói về “tôn giáo” trong văn bản.

3- Dẫn lại của Nguyễn Đức Sư, Mác, Ăngghen về tôn giáo.

4- Hainchelin, *Les origines de la religion*, Paris, Ed. Sociales, 1955, trang 44.

5- Xem P. Tillich, *Thần học văn hóa*, nguyên bản tiếng Anh, 1959.

6- Xem A. Toynbee, *Nghiên cứu về lịch sử một cách thức diễn giải*, bản dịch, Nxb. Thế giới, năm 2004.

7- Xem bài “Thao thức và chia sẻ” của Phan Giang, *Công giáo và Dân tộc*, số 1690, từ 09/1 đến 15/1/2009.

8- Xem Ninian Smart, *Tôn giáo của thế giới* (nguyên bản tiếng Anh), Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 1989), trang 10- 21.

9- Xem bài “Tôn giáo và văn hóa được xem như là những môn học kinh viện và những thách thức của chúng đối với các học giả Châu Á” của Peter C. Phan, nguyên bản tiếng Anh, bản dịch của Phan Tường Vân, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8 năm 2006.

10- Xem bài “Sứ mạng văn hóa của tôn giáo” của Thiện Chí, *Tạp chí Công tác Tôn giáo*, số 7 năm 2008.

11- Về thuật ngữ ở Châu Âu từ đầu thế kỷ XX mới có khái niệm văn hóa thế tục (*la culture sécularisée*) khi có bầu khí luân lý thế tục (*moralité laïque*) trong đó con người “thoát khỏi tôn giáo”, làm chủ văn minh bằng ba thế mạnh: Thể chất, đạo đức và trí tuệ.

12- Xem Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*, Phạm Toàn dịch, Nxb. Tri thức, 2008, tập 2, trang 538 và tập 1 trang 57.

13- Đây là văn bản nổi tiếng do Giáo hoàng ... công bố năm... Trong các vấn đề “thống hối” với nhân loại, Giáo hoàng J. Paul II đã đề cập đến sự kiện này.

ĐỖ QUANG HƯNG: RELIGION AND CULTURE

By providing some basic theoretical background and notions, the author analyses religion and its relations to culture. His analysis range from cosmological relations to human relations in order to emphasise the role of religion in people's life, especially in up and down periods during the history so that Vietnamese religion from past to present would be better understood.